

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 624 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình)**.

2. Bà **Dương Hiền Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Chị **Nguyễn Lê U**, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số 14/1, đường Đ, phường 8, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại Tòa hôm nay, chị Nguyễn Lê U trình bày:

Chị và anh Trần Thanh H tự nguyện cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 07/8/2012. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2014

cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Hải M, sinh ngày 25/3/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, anh Trần Thanh H có bản khai trình bày đồng ý ly hôn với chị U do anh chị bất đồng quan điểm, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Trần Hải M cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngày 17/11/2020 Anh Trần Thanh H có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt .

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Nguyễn Lê U và anh Trần Thanh H có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay nên việc chị U yêu cầu ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, anh H cũng đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lê U và anh Trần Thanh H là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, chị Nguyễn Lê U trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị xuất phát từ việc anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không được, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay.

[4] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, anh anh Trần Thanh H trình bày anh đồng ý ly hôn với chị U do các bên bất đồng quan điểm. Do đó việc chị U trình bày tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Việc chị U yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Hải M, sinh ngày 25/3/2014, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị, phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật, anh H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị U và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Lê U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Lê U.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lê U được ly hôn với anh Trần Thanh H.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Hải M, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Nguyễn Lê U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thanh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Lê U phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0004160 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Chị Nguyễn Lê U có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Trần Thanh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh